

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Quyết định số 24); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư số 07); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (gọi tắt là Thông tư 02);

Thực hiện Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 05/9/2024 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024;

UBND xã xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2024, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg và Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH.

đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc, các ngành đoàn thể và sự tham gia của người dân.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hộ gia đình trên địa bàn toàn xã.

III. NỘI DUNG

1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Tiêu chí thu nhập: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

2.2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

2.1. Quy trình rà soát định kỳ:

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03). **Xong trước ngày 10/9/2024.**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn, phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, lực lượng rà soát viên, trưởng thôn, chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có

nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2). **Xong trước ngày 15/9/2024.**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát. **Xong trước ngày 20/9/2024.**

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, Mẫu số 07) tại nhà văn hóa và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian **03 ngày** làm việc. **Xong trước ngày 25/9/2024.**

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá **07 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian **03 ngày** làm việc. **Xong trước ngày 30/9/2024.**

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (ngay sau khi rà soát).

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 06, Mẫu số 08). **Xong trước ngày 05/10/2024.**

- Trong thời gian **10 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. **Xong trước ngày 15/10/2024.**

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

Bước 7. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

UBND huyện tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). **Xong trước ngày 20/10/2024.**

2.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.
- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24: Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- **Hộ nghèo:** hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm
- **Hộ cận nghèo:** hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm

4. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát

Hệ thống biểu: Tại phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 24, Thông tư số 07 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

2.3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24: Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):
 - + Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;
- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2.3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm B1 \leq 140 điểm và điểm B2 \geq 30 điểm
- Hộ cận nghèo: hộ có điểm B1 \leq 140 điểm và điểm B2 $<$ 30 điểm

2.4. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã

Thực hiện Nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND xã về việc thành lập Ban chỉ đạo.

Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đơn vị được phân công kèm theo Kế hoạch này.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với trưởng ban chỉ đạo xã (qua công chức phụ trách VHXH)

2. Công chức phụ trách Văn hóa - Xã hội.

- In ấn biểu mẫu, tài liệu hướng dẫn; in phiếu điều tra, biểu mẫu phục vụ cho cuộc rà soát.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình cho cấp xã, cấp thôn.

- Chỉ đạo, kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Lập các phụ lục, báo cáo kết quả rà soát đúng thời gian quy định cho UBND huyện (qua Phòng Lao động - TBXH).

- Tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn xã và báo cáo theo quy định.

- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương theo quy định.

- Chủ động xây dựng nội dung, hình thức tổ chức thông tin, tuyên truyền về mục đích ý nghĩa và phương pháp, quy trình công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024, tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2022-2025 và việc xác định thu nhập của hộ nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình. Viết tin, bài về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình với nội dung, hình thức phù hợp với tình hình của địa phương.

2. Công chức KT-NS:

- Tham mưu chủ tịch UBND xã bố trí nguồn kinh phí phù hợp để phục vụ cho cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã:

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- Chỉ đạo các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực công tác thông tin, tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát ở các thôn.

5. Đối với các thôn:

- Trưởng các thôn trực tiếp là rà soát viên, tổng hợp, báo cáo UBND xã qua công chức Lao động Thương binh Xã hội về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều **giai đoạn 2022-2025**.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

Trên đây là kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp năm 2024, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vấn đề gì khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về UBND xã (qua công chức Văn hóa – Xã hội) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thường trực ĐU, HĐND (B/c);
- Thành viên Ban chỉ đạo (T/h);
- 10 thôn (T/h);
- Lưu: Vp.

CHỦ TỊCH

Trịnh Hữu Vui